

Bản án số: 95/2024/HS-ST

Ngày 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Nguyễn Công Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các điểm cầu thành phần Trại giam Công an tỉnh B và Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Văn B**, sinh năm 1970; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: **thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 7/10;

Họ và tên cha: **Đặng Văn H** (đã chết);

Họ và tên mẹ: **Giáp Thị L** (đã chết);

Vợ: **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1974;

Con: bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2009);

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con út;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/8/2022, Trưởng Công an huyện V (nay là thị xã V) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 141/QĐ-XPHC đối với **Đặng Văn B** số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 140/ST-HS ngày 07/8/1998, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”, tội “Tổ chức cưỡng ép người khác đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”, tội “Xuất nhập cảnh trái

phép”. Chấp hành hình phạt tù đến 01/02/2005 được đặc xá; Chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung tháng 8/2004.

- Ngày 27/4/2015, Trưởng Công an huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 150/QĐ-XPHC đối với Đặng Văn B số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh B. Có mặt

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1981; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 6/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Ngọc P (đã chết);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1957;

Vợ: Nguyễn Thị P1, sinh năm 1987;

Con: Bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013);

Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con út;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh B. Có mặt

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1995. Có mặt

Nơi thường trú: Thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Chị Dương Thị N, sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 15 phút ngày 12/6/2024, tại thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang, Công an huyện H phát hiện bắt quả tang Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1981 ở thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm: 02 gói giấy bạc, trong đó 01 gói giấy bạc bên trong có 01 viên nén màu hồng đỏ; 01 gói giấy bạc bên trong có 01 gói giấy bạc bên trong có 01 viên nén màu hồng đỏ và 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng đều nghi là ma túy. Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT1”; 01 xe mô tô SYM Galaxy S màu đỏ, biển kiểm soát 98K1-096.42.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc Q1 khai mua số ma túy nêu trên của Đặng Văn B, sinh năm 1970 trú tại thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Hồi 19 giờ ngày 12/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra C huyện H đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Văn B. Kết quả, thu giữ tại túi quần trước bên phải

Bạo đang mặc 01 đoạn ống nhựa màu vàng hàn kín hai đầu, bên trong có 01 viên nén màu hồng và tinh thể màu trắng nghi là ma túy; thu giữ tại **bộ L1** bên phải hướng từ trong ra ngoài giáp cửa ra vào 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ bên trong có 21 đoạn ống nhựa đều được hàn kín hai đầu bên trong đều chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (trong đó có 11 đoạn màu vàng, 06 đoạn màu cam, 02 đoạn màu tím, 02 đoạn màu xanh); thu giữ trên cây máy tính để giáp cột giữa nhà 01 đoạn ống nhựa màu cam được hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; thu giữ trong bồn cầu nhà vệ sinh tầng một 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa 01 viên nén màu hồng đỏ và tinh thể màu trắng; 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu bên trong chứa 01 viên nén màu hồng đỏ nghi là ma túy; thu giữ tại chiếu để giữa nhà tầng một 02 điện thoại di động nhãn hiệu vivo thu giữ 01 xe ô tô màu trắng nhãn hiệu Toyota Rush màu trắng biển kiểm soát 98A-282.63; số tiền 2.450.000 đồng. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **B**. Tất cả số vật chứng thu giữ ghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT”, “KX1”, “KX2”, “KX3”.

Về nguồn gốc số ma túy, quá trình điều tra xác định được: **Đặng Văn B** là người sử dụng ma túy. Khoảng ngày 08/6/2024, **B** đến khu vực **phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** để mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Bạo gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi (**B** không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) đứng ở rìa đường, **B** hỏi mua của người này 600.000 đồng ma túy thì được người này đưa cho một túi nilon bên trong chứa ma túy hồng phiến và ma túy đá. Bạo mang về nhà và chia nhỏ hai loại ma túy vào các đoạn ống nhựa khác nhau và cất giấu tại các vị trí khác nhau trong ngôi nhà của mình. Khoảng hơn 09 giờ ngày 12/6/2024, khi **B** đang ở nhà thì **Nguyễn Ngọc Q1** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 096.42 mang theo 300.000 đồng đến nhà **Đặng Văn B** mua ma túy để sử dụng. Đến nơi **Q1** đứng ngoài cửa gọi “anh **B** ơi cho em hai ngựa một nước”. Bạo hiểu **Q1** hỏi mua 02 viên ma túy hồng phiến và ma túy đá. Bạo hỏi lại “cái gì đấy” thì **Q1** đưa qua khe cửa cuốn 300.000 đồng (gồm 03 tờ tiền Polime mệnh giá 100.000 đồng), **B** cầm tiền và lấy 02 viên ma túy hồng phiến và 01 tép ma túy đá ở túi quần đang mặc, lấy giấy bạc gói thành 02 gói đưa qua khe cửa. **Q1** đưa tay ra hứng xác định là có ma túy bên trong rồi đút vào túi quần bên phải và điều khiển xe mô tô về **xã Đ, huyện H** để sử dụng. Khi **Q1** trên đường đến **thôn A, xã Đ, huyện H** thì bị lực lượng **Công an huyện H** kiểm tra phát hiện bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 1364/KL- KTHS ngày 17/6/2024, **Phòng K Công an tỉnh B**, kết luận đối với số ma túy thu giữ của **Đặng Văn B**.

“5.1. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất tinh thể màu trắng và 01 (một) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu **là ma túy, có tổng khối lượng 0,190 gam, loại Methamphetamine.**

5.2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX1" đã được niêm phong gửi giám định:

Chất tinh thể màu trắng đựng trong 21 (hai mươi một) đoạn ống nhựa đều được hàn kín hai đầu (trong đó có: 11 (mười một) đoạn màu vàng, 06 (sáu) đoạn màu cam, 02 (hai) đoạn màu tím và 02 (hai) đoạn màu xanh) **là ma túy, có tổng khối lượng 1,669 gam, loại Methamphetamine.**

5.3. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX2" đã được niêm phong gửi giám định:

Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu cam được hàn kín hai đầu **là ma túy, có khối lượng 0,073 gam, loại Methamphetamine.**

5.4. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX3" đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất tinh thể màu trắng và 01 (một) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu **là ma túy, có tổng khối lượng 0,232 gam, loại Methamphetamine.**

- 01 (một) viên nén màu hồng đỏ (đã được sấy khô) đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu **là ma túy, có khối lượng 0,125 gam, loại Methamphetamine”.**

Tại Kết luận giám định số 1365/KL- KTHS ngày 17/6/2024 của **Phòng K Công an tỉnh B**, kết luận đối với số ma túy thu giữ của **Nguyễn Ngọc Q1**:

Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT1" đã được niêm phong gửi giám định:

- 01 (một) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) gói giấy bạc **là ma túy, có khối lượng 0,113 gam, loại Methamphetamine.**

- Trong 01 (một) gói giấy bạc có 01 (một) gói giấy bạc, bên trong đựng:

+ 01 (một) viên nén màu hồng đỏ **là ma túy, có khối lượng 0,112 gam, loại Methamphetamine.**

+ Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu **là ma túy, có khối lượng 0,097 gam, loại Methamphetamine.**

Đối với người đàn ông bán ma túy cho **B**, quá trình điều tra **B** khai không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1-096.42 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị **Dương Thị N**, sinh năm 1986 ở **thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu vivo số IMEI 1: 867253059516390, số IMEI 2: 867253059516382 là tài sản hợp pháp của chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982 ở **thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu chiếc xe trên. Đối với chiếc xe ô tô Toyota Rush, màu trắng, biển kiểm soát 98A-282.63 là tài sản hợp pháp của bị can **Đặng Văn B** không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 05/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H** quyết định xử lý vật chứng

bằng hình thức trả cho anh **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1995 là con trai bị can **B** theo đề nghị của bị can Bạo.

Tại Cơ quan điều tra **Đặng Văn B** và **Nguyễn Ngọc Q1** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKS -HH ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố bị cáo **Đặng Văn B** ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1** ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Đặng Văn Đ** khai: Anh là con của bị cáo **B**, anh không liên quan đến việc bị cáo mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo **Q1**. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush biển kiểm soát 98A-282.63 là của bị cáo **B**, đến nay chiếc xe đã được Cơ quan điều tra **Công an huyện H** trả lại cho anh. Số tiền 10.200.000 đồng anh nộp tại Chi Cục Thi hành án huyện Hiệp Hòa thay cho bị cáo là tiền của anh, nhưng nay anh xác định nộp tiền phạt và án phí trước cho bị cáo, anh không có yêu cầu hay đề nghị gì về số tiền đã nộp này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đặng Văn B**.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn B** từ 03 (ba) năm 08 (tám) tháng đến 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo **Đặng Văn B** 10.000.000 đồng.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1**.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1** từ 16 (mười sáu) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2024.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì thư ký hiệu “KX1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một)

phong bì thư ký hiệu “KX2” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì thư ký hiệu “KX3” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công 300.000 đồng.
- Trả lại số tiền 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).
- Trả lại bị cáo **Đặng Văn B** 01 điện thoại di động nhãn hiệu vivo, số IMEI 1:867253058360311, số IMEI 2: 8672253058360303 trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT2” bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu vivo.
- Tạm giữ số tiền 10.200.000 đồng bị cáo nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bị cáo **B** không có ý kiến tranh luận.
- Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1** không có ý kiến tranh luận gì.
- Bị cáo **B** nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.
- Bị cáo **Q1** nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về tội danh: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Bản kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cùng các tài liệu điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận.

Hồi 10 giờ 15 phút ngày 12/6/2024, tại thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Công an huyện H bắt quả tang Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1981 ở thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,322 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng.

Hồi 19 giờ ngày 12/6/2024, tại nhà ở của Đặng Văn B, sinh năm 1970 ở thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Công an huyện H khám xét khẩn cấp, bắt quả tang B đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 2,289 gam ma túy loại Methamphetamine. Bạo khai số ma túy trên tàng trữ để sử dụng và bán kiếm lời; Ngoài ra, B đã bán cho Q1 0,322 gam ma túy loại Methamphetamine.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Đặng Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó nó còn là nguyên nhân và điều kiện phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

- Về nhân thân các bị cáo:

+) Bị cáo Đặng Văn B có nhân thân xấu, ngày 21/8/2022, Trưởng Công an huyện V (nay là thị xã V) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 141/QĐ-XPHC đối với Đặng Văn B số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tại Bản án số 140/ST-HS ngày 07/8/1998, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”, tội “Tổ chức cưỡng ép người khác đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”, tội “Xuất nhập cảnh trái phép”. Chấp hành hình phạt tù đến 01/02/2005 được đặc xá; Chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung tháng 8/2004; Ngày 27/4/2015, Trưởng Công an

huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 150/QĐ-XPHC đối với Đặng Văn B số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

+) Bị cáo Nguyễn Ngọc Q1 có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử lần nào và cũng không bị xử lý vi phạm hành chính.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích và biết tuân thủ pháp luật. Do vậy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đặng Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo có tài sản và mục đích mua bán trái phép chất ma túy để thu lời bất chính do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để phạt bổ sung bằng tiền theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Q1 trước khi phạm tội là lao động tự do, từ khi bị bắt, bị tạm giam, không có thu nhập gì khác, theo xác minh bị cáo không có tài sản gì, mặt khác mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên Hội đồng xét xử xét thấy miễn hình phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Q1 là có căn cứ.

[6]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với anh Đặng Văn Đ là con trai của bị cáo B là người nộp số tiền 10.200.000 đồng cho bị cáo B, xét đây là số tiền của bị cáo B tự nguyện nộp trước để đảm bảo thi hành án, anh Đ không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Dương Thị N là chủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, khi cho bị cáo Quang M, chị N không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là có căn cứ.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX2” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám

định; 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX3” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công Nhà nước 300.000 đồng do **Đặng Văn B** thu lời bất chính trong tổng số tiền thu giữ 2.450.000 đồng (đã chuyển vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo Ủy nhiệm chi ngày 28/8/2024 của **Công an huyện H**).

- Trả lại số tiền 2.150.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo Ủy nhiệm chi ngày 28/8/2024 của **Công an huyện H**).

- Trả lại **Đặng Văn B** 01 điện thoại đựng 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT2” bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu vivo số IMEI 1:867253058360311, số IMEI 2: 8672253058360303.

- Tạm giữ số tiền 10.200.000 đồng bị cáo nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo biên lai thu tiền số 0001928 ngày 01/8/2024 để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí: Do bị cáo không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí, do vậy bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đặng Văn B**.

- Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn B** 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2024.

- Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung công Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1**.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q1** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+) 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

+) 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “QT1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

+) 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX1” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

+) 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX2” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

+) 01 (một) phong bì Thư ký hiệu “KX3” đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công Nhà nước 300.000 đồng do **Đặng Văn B** thu lời bắt chính trong tổng số tiền thu giữ 2.450.000 đồng (đã chuyển vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo Ủy nhiệm chi ngày 28/8/2024 của **Công an huyện H**).

- Trả lại số tiền 2.150.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo Ủy nhiệm chi ngày 28/8/2024 của **Công an huyện H**).

- Trả lại **Đặng Văn B** 01 điện thoại đựng 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT2” bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu vivo số IMEI 1:867253058360311, số IMEI 2: 8672253058360303.

- Tạm giữ số tiền 10.200.000 đồng bị cáo nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo biên lai thu tiền số 0001928 ngày 01/8/2024 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc các bị cáo **Đặng Văn B, Nguyễn Ngọc Q1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Việt Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tuấn

